TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ – ST.
Ngày: 24/3/2023
V/v : "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tám

Bà Nguyễn Thị Thưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – SN: 1979. "Có mặt"
HKTT: SN 21 Tr, phường Tr, TP H, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: SN 13 đường Tiền Ph, phường Tr, TP H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Phụng L - SN 1971. "Vắng mặt"
HKTT: SN 21 Tr, phường Tr, TP H, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: SN 16/1 Tr, phường Tr, Thành phố H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Phụng L kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân là phường Tr, TP H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm cách

sống khác nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Tường V, sinh ngày 22/9/2016. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu Tường V. Tại đơn khởi kiện chị T đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án chị thay đổi quan điểm không đề nghị anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm nghề bán hàng tự do có thu nhập ổn định, từ khi hai vợ chồng sống ly thân cháu Vy ở với chị.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Lê Phụng L trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn anh đồng ý như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị T đã bỏ đi nơi khác sống từ tháng 10/2021 đến nay, và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con: Anh chị có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Tường V, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm nghề thợ mộc, tuy nhiên từ tết đến nay anh đang nghỉ ở nhà vì chưa có ai đặt hàng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không bổ sung thêm ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt, Tòa án tiến hành xử vắng mặt anh L là đúng quy định của điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]***Về tố tụng***: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại Thành phố H. Do vậy Tòa án Thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Chị T đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt anh L là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Phụng L kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thừa nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn xảy ra và đã sống ly thân nhau. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân nhau . Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều thống nhất ly hôn. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T và anh L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

Về con **:** Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Tường V, sinh ngày 22/9/2016. Ly hôn chị T, anh L đều có nguyện nuôi cháu Tường V. Nhưng xét cháu Tường V còn đang nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, mặt khác từ khi anh chị sống ly thân, cháu Tường V sống với chị T, chị T vẫn nuôi dạy cháu đảm bảo về mọi mặt. Vì vậy giao cháu Tường V cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình .

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con . Xét yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Phụng L.

Về con: Công nhận cháu Lê Tường V, sinh ngày 22/9/2016 là con chung của chị T và anh L. Giao cháu Tường V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002588 ngày 29/11/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H (chị T đã nộp đủ án phí).

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND phường Tr, TPTH;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Long